

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 3- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Kha

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Bắc

2. Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 216/2021/TLST - HNGĐ, ngày 29/10/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Xóm B, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Vương Ngọc T, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

(các đương sự có mặt chị H; vắng mặt anh T lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Tôi và anh Vương Ngọc T kết hôn năm 2014. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng với gia đình nhà chồng tại xóm Đ, xã Ký Phú. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con, tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và có bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 7/2015 thì tôi đem con về nhà ngoại ở xóm B, xã Văn Yên sinh sống. Vợ chồng

sống ly thân từ tháng 6/2016 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung là Vương Ngọc A, sinh ngày 12/10/2014. Hiện cháu A đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ anh Vương Ngọc T nhiều lần đến giải quyết, lập biên bản làm việc với đại diện gia đình, giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho đại diện gia đình, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt, không lý do.

Tòa án đã lập biên bản xác minh, làm việc với gia đình anh T, tại biên bản làm việc ngày 22/12/2021 mẹ đẻ anh T cung cấp: Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án triệu tập anh T lên Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên hiện tại anh T đi làm ăn nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được, gia đình có liên lạc và thông báo cho anh T biết việc nội dung các văn bản của Tòa án nhưng anh T xác định anh T không muốn ly hôn với chị H nên anh T không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Hiện anh T làm nghề thợ xây, anh T vẫn thường xuyên về gia đình rồi lại đi làm ngay, không có địa chỉ cố định. Theo bà Mùi cho biết gia đình bà có tổ chức lễ cưới cho anh T và chị H, vợ chồng anh T có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ký Phú. Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng gia đình bà, đến khi sinh con được khoảng 1 tháng thì chị H xin về nhà mẹ đẻ tại xã Văn Yên ở từ đó đến nay chị H không về gia đình bà sinh sống nữa.

Chị H và anh T có 01 con chung Vương Ngọc A, sinh ngày 12/10/2014 hiện cháu A đang ở với chị H. Chị H và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Vương Ngọc T.

+ Về con chung: Giao con chung Vương Ngọc A, sinh ngày 12/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung: không xem xét.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Vương Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Vương Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa (lần 2) đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án đã thực hiện việc giao các văn bản tố tụng cho đại diện gia đình và thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định. Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Vương Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, phía chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là anh T không quan tâm đến chị và con, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cãi chửi nhau và có bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng có xảy ra xô xát nhiều lần. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh T vắng mặt tại phiên

tòa, trong quá trình giải quyết phía anh T không có mặt tại gia đình và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Vương Ngọc A, sinh ngày 12/10/2014. Hiện cháu A đang sinh sống cùng với chị H tại xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phía anh T hiện vắng mặt nên không có ý kiến gì về phần con chung. HĐXX xét thấy cháu A là cháu gái hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, mặt khác cháu Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung: HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, cho chị H được ly hôn anh Vương Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Vương Ngọc A, sinh ngày 12/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003788 ngày 29/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã Ký Phú;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khánh